

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày: 10-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Nhuận

Bà Đỗ Thị Luyến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Điều Chính Phụng, sinh ngày 14/10/1994, tại xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản T, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều Chính K, sinh năm 1976 và bà Lò Thị X, sinh năm 1976; bị cáo có vợ là Lò Thị C, sinh năm 1994 và có 02 người con (con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2023); tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/12/2023, tạm giam từ ngày 16/12/2023 tại trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Điều Chính P:** Bà Mai Thị Thanh L, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (Có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Cao Bạc H, sinh ngày 19/5/1993. Địa chỉ: Bản T, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

2. Anh Hoàng Văn Đ, sinh ngày 20/9/1983. Địa chỉ: Bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

1. Chị Phạm Thị Hồng V, sinh ngày 01/11/1991. Địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

2. Anh Tòng Văn Đ1, sinh ngày 24/4/1995. Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 09/12/2023, khi Điều C1 P đang mua bán hàng hóa tại huyện M, tỉnh Phong Sa Lý, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào thì gặp X1, là người quen biết trước đây của P. Xoi đặt vấn đề thuê P chở 02 người nhập cảnh trái phép từ Lào về Việt Nam, từ khu vực gần mốc biên giới số 74 giữa Việt Nam và Lào về trung tâm xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, tiền công là 500.000 kíp Lào/01 người. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, P nhập cảnh từ Lào về Việt Nam, thì Xoi nhắn tin thông báo đã đưa người về gần đến khu vực biên giới. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, X1 gọi điện cho P đến gần khu vực Trạm kiểm soát biên phòng S để đón và chở 02 người nhập cảnh trái phép về Việt Nam. P điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, biển kiểm soát 27B1-489.28 đi từ nhà tại bản T, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên đến khu vực mốc biên giới số G, cách Trạm kiểm soát biên phòng S khoảng 1,5km thì nhìn thấy Phạm Thị Hồng V và Tòng Văn Đ1 đang ngồi chờ cạnh đường. P quay xe lại thì gặp X1, X1 lấy 1.000.000 kíp Lào trả công cho P, nhận tiền xong P chở V cùng Đ1 để quay về trung tâm xã S. Đến 00 giờ 10 phút ngày 10/12/2023 khi P chở V và Đ1 về đến Km00+300, quốc lộ D thuộc bản Nậm Chim 1, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên thì bị Bộ đội Biên phòng tỉnh Đ phối hợp với Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ phát hiện, bắt quả tang.

Tại Bản Kết luận giám định số 113/KL-KTHS ngày 26/12/2023 của Phòng K1, Công an tỉnh Đ kết luận: *33 tờ tiền kíp Lào gửi giám định cụ thể: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000 kíp; 15 (mười lăm) tờ tiền mệnh giá 50.000 kíp; 07 (bảy) tờ tiền mệnh giá 20.000 kíp; 07 (bảy) tờ tiền mệnh giá 10.000 kíp; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 5.000 kíp và 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 2.000 kíp là tiền thật.*

Tại Bản Cáo trạng số 16/CT-VKSĐB-P1 ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Điều C1 P về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo Điều C1 P phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo P mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 điều 348 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Điều Chính P được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Điều Chính P khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội của kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không bổ sung thêm gì với bản bào chữa của người bào chữa. Bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo Điều Chính P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng, không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo tuổi đời còn trẻ nhận thức còn hạn chế và nhất thời phạm tội, bị cáo có ông nội Điều Chính Diễm là thương binh hạng A, nên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong hồ sơ vụ án thể hiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Bạc H trình bày chiếc xe máy Sirius.RC biển kiểm soát 27B1-489.28 màu sơn đen trắng, bị cáo Điều C1 P dùng vào việc phạm tội để chở 02 người nhập cảnh trái phép từ Lào vào Việt Nam chính là chiếc xe máy của anh Cao Bạc H mua mới năm 2015, đăng ký chính chủ tên anh, đến năm 2016 đã bán chiếc xe máy trên cho anh Hoàng Văn Đ với giá tiền 11.000.000 đồng. Hai bên đã giao tiền và đăng ký xe máy cho nhau, từ khi bán chiếc xe máy trên cho anh Hoàng Văn Đ đến nay, anh H và anh Đ không còn liên lạc gì với nhau nữa, anh H không biết anh Đ còn sử dụng chiếc xe máy này hay đã bán cho ai thì anh H không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Đ trong quá trình điều tra trình bày anh Đ mua chiếc xe máy Sirius.RC biển kiểm soát 27B1-489.28 màu sơn đen trắng của anh Cao Bạc H vào năm 2016 với giá 11.000.000 đồng, đến tháng 9/2023, anh Đ đã bán chiếc xe máy trên cho bị cáo Điều Chính P với số tiền là 6.500.000 đồng; P đã trả cho anh Đ 6.000.000 đồng, còn nợ lại 500.000 đồng hẹn bao giờ trả hết tiền sẽ nhận giấy mua bán và giấy tờ xe, nhưng đến nay P vẫn chưa trả hết số tiền còn nợ cho anh Đ nên P chưa có giấy tờ đăng ký xe để làm thủ tục chuyển đăng ký xe mang tên P được. Hiện nay, chiếc xe máy bị cơ quan công an đang tạm giữ do P đã dùng chiếc xe máy này vào việc

phạm tội, anh Đ không có ý kiến gì đối với chiếc xe máy trên, đối với số tiền 500.000 đồng P còn nợ anh Đ, do bị cáo P có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh Đ không yêu cầu P phải trả lại cho anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo Điều Chính P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm bị Điều Chính P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm đã phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các bản hỏi cung, biên bản ghi lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 10/12/2023 và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 16 giờ ngày 09/12/2023, khi P đang ở bản N, cụm P, huyện M, tỉnh Phong Sa Lý, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào thì gặp 01 người Lào tên gọi là X1. Xoi bảo P chở 02 người ở bên Lào sang Việt Nam nhưng không có giấy tờ, P đồng ý. P quay về, làm thủ tục nhập cảnh về Việt Nam tại Trạm kiểm soát biên phòng S lúc 19 giờ 30 phút cùng ngày. Đến khoảng 22 giờ 30 phút, X1 gọi điện cho P bảo đi đón người, P lấy xe máy cá nhân đi từ bản T, xã S lên địa điểm đã hẹn trước, cách Trạm kiểm soát biên phòng S 1,5 km, gặp X1 và 02 người kia. X1 đưa cho P số tiền 1.000.000 (Một triệu) Kíp Lào rồi quay về hướng biên giới, P cất tiền vào trong ví rồi đi đến chỗ 02 người kia, chở 02 người kia bằng xe máy của P xuống Km34, Quốc lộ D tìm nhà trọ để ngủ qua đêm, khi đi đến cách Ủy ban nhân dân xã S khoảng 500m thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt do pháp luật quy định.

[2] Xét về tính chất của vụ án thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của Nhà nước. Điều Chính P đã chở 02 người từ bên Lào về Việt Nam mà không có các giấy tờ theo quy định của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như hộ chiếu, visa, là trái pháp luật. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào tại tỉnh Điện Biên, do đó Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và kết luận bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về hình phạt đối với bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi phạm tội và bị bắt, bị cáo Điều Chính P đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo lần đầu tiên phạm tội, có ông nội Điều Chính Diễm là thương binh hạng A hiện đã già yếu không có ai chăm sóc, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang phải kiếm tiền nuôi hai con còn nhỏ, vợ bị cáo không có việc làm và là người chăm sóc ông, bà nay đã già yếu; do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Điều C1 P phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Điều Chính P phải chịu mức án từ 12 đến 15 tháng tù, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên là có căn cứ nên chấp nhận.

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, mục đích động cơ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Do nghề nghiệp của bị cáo làm nông nghiệp, không có thu nhập ổn định, kinh tế gia đình bị cáo rất khó khăn, nếu có áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền thì bị cáo cũng không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51; 01 chiếc xe máy Sirius.Rc biển kiểm soát 27B1-489.28 màu sơn đen trắng, là công cụ phương tiện bị cáo Điều C1 P dùng vào việc phạm tội và số tiền 1.000.000 kíp Lào là tiền do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc ví màu nâu, ví cũ, đã qua sử dụng và số tiền 69.000 kíp Lào là vật không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo Điều Chính P.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Điều Chính P.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam của Phạm Thị Hồng V và Tòng Văn Đ1, Đồn Biên phòng S1, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật là đúng thẩm quyền và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Điều Chính P phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Điều Chính P **12 (mười hai) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/12/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:**

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, màu xanh, màn hình nứt vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 01 xe máy biển kiểm soát 27B1-489.28; Loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³. Nhãn hiệu YAMAHA; Số loại: SIRIUS.RC Màu sơn: đen trắng; Số máy: 5C6K-

335231; Số khung: RLCS5C6K0GY335226; Dung tích xi lanh: 110cm³; Năm sản xuất: 2016. Xe cũ đã qua sử dụng.

- Số tiền 1.000.000 (một triệu) kíp Lào.

* **Trả lại cho bị cáo Điều C1 Phụng:** 01 chiếc ví màu nâu, ví cũ, đã qua sử dụng và số tiền 69.000 kíp Lào.

(Tình trạng, đặc điểm theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Đ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 19/3/2024).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Điều Chính P.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/5/2024); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo Điều Chính Phụng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan ANĐT, Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND Tối cao;
- Phòng Hành chính, Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Khanh